

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN THỊ THU HÀ

**QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN
THUỶ ĐIỆN ĐẦU TƯ TẠI LÀO**

Chuyên ngành : Luật kinh tế
Mã số : 603850

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2012

Công trình được hoàn thành tại:
KHOA LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: TS. Hoàng Thị Quỳnh Chi

Phản biện 1:
.....
.....
.....
.....

Phản biện 2:
.....
.....
.....
.....

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Chính phủ đã giao cho Tập đoàn Sông Đà là chủ đầu tư một số dự án thủy điện tại CHDCND Lào như dự án thủy điện Xekaman 3, dự án thủy điện Xekaman 1, dự án thủy điện Sêkông 3... Khi triển khai thực hiện các dự án thủy điện này, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước Việt Nam và chịu sự quản lý thuế của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật về thuế và Quản lý thuế chưa phù hợp, vẫn còn gây nhiều lúng túng cho các đối tượng nộp thuế như các dự án, các nhà thầu thi công dự án cũng như người lao động của các nhà thầu thi công dự án, đòi hỏi phải được nghiên cứu để thực hiện.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về của pháp luật về quản lý thuế đối với dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào, luận văn còn đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào; các quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật trong thực tiễn; chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm, những mặt đã đáp ứng được yêu cầu cũng như những mặt chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy định về quản lý thuế, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý thuế đối với đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào, đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp trong công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu các quy định pháp luật về Quản lý thuế nói chung và Quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại Lào nói riêng

cũng như thực tiễn thực hiện Pháp luật trong công tác Quản lý thuế của pháp luật Việt Nam đối với dự án.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

Hoạt động đầu tư vào lĩnh vực thủy điện tại nước CHDCND Lào chịu sự điều chỉnh của hai hệ thống pháp luật về thuế, đó là hệ thống pháp luật thuế của Việt Nam và hệ thống pháp luật thuế của nước CHDCND Lào. Tuy nhiên, dưới góc độ của chuyên ngành luật kinh tế, đề tài này chỉ nghiên cứu dưới góc độ của pháp luật về quản lý thuế của Việt Nam đối với dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào.

Các thông tin, số liệu sử dụng trong luận văn được lấy từ kết quả khảo sát thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào từ năm 2007 đến năm 2011.

Liên quan đến hoạt động đầu tư vào các dự án đầu tư thủy điện tại CHDCND Lào, có nhiều đối tượng chịu sự quản lý thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam, bao gồm: Công ty TNHH thủy điện Xekaman3 - chủ đầu tư Dự án, các nhà thầu (Tổng thầu, đến các nhà thầu thành viên), các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động của dự án... Tuy nhiên, Luận văn chỉ đi sâu phân tích đánh giá các quy định của pháp luật về Quản lý thuế đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy điện Xekaman3 và các chủ thể có liên quan như các nhà thầu.

4. Phương pháp nghiên cứu:

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: tổng hợp, phân tích, khảo sát, đối chiếu pháp luật làm rõ các nội dung của đề tài.

5. Tình hình nghiên cứu:

Trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, vấn đề quản lý thuế đã có nhiều học giả quan tâm nghiên cứu ở những khía cạnh và góc độ khác nhau. Tuy nhiên, từ khi có Luật quản lý thuế cho đến nay, vẫn chưa có công trình

nghiên cứu độc lập nào nghiên cứu chuyên sâu về Pháp luật Quản lý thuế đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực thủy điện được công bố .

6. Đóng góp mới của luận văn:

Luận văn phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về Quản lý thuế nói chung và Pháp luật về Quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào nói riêng.

Phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

Đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc mở rộng kinh doanh đầu tư ra nước ngoài; đồng thời nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về Quản lý thuế đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài.

7. Kết cấu luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục chữ viết tắt, tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1: Tổng quan pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án dự án Thủy điện đầu tư tại Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào

Chương 2: Thực trạng pháp luật Việt Nam về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

Chương 3: Giải pháp, kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐẦU TƯ TẠI CHDCND LÀO

1.1 Khái quát chung về thuế, quản lý thuế và pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

1.1.1 Khái niệm, phân loại thuế, vai trò của thuế

1.1.1.1 Khái niệm về thuế: Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc của các thể nhân và pháp nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định, không mang tính hoàn trả trực tiếp, nhằm sử dụng cho mục đích chung của toàn xã hội.

1.1.1.2. Phân loại thuế

a. Căn cứ theo phương thức đánh thuế thì hệ thống thuế được chia làm hai loại, cụ thể là: Thuế trực thu và thuế gián thu

b. Có thể chia thành các loại thuế sau: Thuế thu nhập bao gồm các thuế có cơ sở xác định số thuế phải nộp là thu nhập chịu thuế, Thuế đánh vào của cải tiêu dùng, thuế tài sản.

c. Căn cứ vào phạm vi điều chỉnh của thuế chia thành các loại sau: thuế tổng hợp, thuế lựa chọn

Ngoài ra, đôi khi người ta còn tiến hành phân loại thuế theo tính chất thuế suất mà luật thuế đó áp dụng như thuế tỷ lệ, thuế lũy tiến,...

1.1.1.3. Vai trò của thuế

a. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.

b. Thuế góp phần điều tiết nền kinh

c. Thuế góp phần bảo đảm bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và bảo đảm công bằng xã hội.

1.1.2 Khái niệm, nội dung quản lý thuế

1.1.2.1 Khái niệm quản lý thuế:

Quản lý thuế có thể được hiểu theo hai nghĩa sau đây:

Theo nghĩa rộng: quản lý thuế là quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, là quá trình xây dựng chiến lược phát triển của hệ thống thuế, ban hành các luật thuế, tổ chức, quản lý, điều hành, thanh tra, giám sát việc thực hiện các luật thuế; thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế...

Theo nghĩa hẹp: Quản lý thuế là quản lý hành chính Nhà nước về thuế, là việc tổ chức, quản lý, điều hành quá trình thu nộp thuế bao gồm các hoạt động nghiệp vụ mang tính chất hành chính trong lĩnh vực thuế; là hoạt động chấp hành theo kế hoạch và trình tự nhất định được thực hiện bởi các cơ quan quản lý thuế.

Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29/11/2006, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2007 (sau đây viết tắt là Luật quản lý thuế), điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực quản lý thuế theo nghĩa hẹp

1.1.2.2 Nội dung quản lý thuế

Theo Điều 3 Luật quản lý thuế và Điều 3 TT28/2011/TT-BTC về hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý thuế thì quản lý thuế bao gồm các nội dung sau đây: Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế; Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế; Xoá nợ tiền thuế, tiền phạt; Kiểm tra thuế, thanh tra thuế; Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Xử lý vi phạm pháp luật về thuế; Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.

1.1.3. Đặc điểm quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại

CHDCND Lào

1.1.3.1 Khái quát chung về dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

Dự án thủy điện Xekaman3 là dự án đầu tư tại nước CHDCND Lào, tuy nhiên chỉ có duy nhất Công ty TNHH điện Xekaman3- Chủ đầu tư dự án là công ty mang pháp nhân Lào, còn tất cả các nhà thầu từ Tổng thầu, đến các nhà thầu thành viên đều là pháp nhân Việt Nam.

Tập đoàn Sông Đà đã thành lập Công ty cổ phần điện Việt Lào (đầu tư 70% vốn điều lệ của Công ty cổ phần điện Việt Lào), Công ty cổ phần điện Việt Lào thành lập công ty TNHH điện Xekaman3 (đầu tư 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH điện Xekaman3 trong quá trình xây dựng và 85% vốn điều lệ của Công ty TNHH điện Xekaman3 trong quá trình vận hành)

Do nước CHDCND Lào trình độ kinh tế còn kém phát triển hơn so với Việt Nam nên đa số các yếu tố đầu vào: Nguyên, nhiên vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị để xây dựng nhà máy thủy điện phải mang từ Việt Nam sang. Có một số thiết bị, máy móc các nhà thầu Việt Nam phải nhập khẩu từ nước thứ 3 đem vào công trình như thiết bị cơ điện nhà máy, các loại vật liệu Việt Nam không sản xuất được. Thực chất của vấn đề này là việc xuất khẩu sang Lào và tạm nhập tái xuất.

1.1.3.2 Đặc điểm của Quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

Thứ nhất, chủ thể quản lý thuế của dự án là Cục thuế tỉnh Quảng Nam

Thứ hai, Đối tượng quản lý là dự án thủy điện Xekaman3 mang pháp nhân CHDCND Lào, các nhà thầu từ Tổng thầu, đến các nhà thầu thành viên đều là pháp nhân Việt Nam. Do đặc điểm như vậy mà Chủ đầu tư cũng như các nhà thầu tham gia Dự án đều phải chịu sự chi phối của cả pháp luật thuế của Việt Nam và Lào

Thứ ba, dự án được áp dụng hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Thứ tư, Dự án được áp dụng chính sách khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại nước ngoài khi xác định số thuế phải nộp tại Việt Nam và thực hiện đăng ký mã số thuế với nước CHDCND Lào

1.2 Khái niệm, nội dung pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

1.2.1. Khái niệm, nguồn pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

Pháp luật Quản lý thuế là tổng hợp các quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động quản lý thuế của Nhà nước đối với các đối tượng nộp thuế và các hoạt động khác có liên quan.

Dự án thủy điện đầu tư tại nước CHDCND Lào chịu sự điều chỉnh của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, Luật quản lý thuế, các luật thuế có liên quan, các thông tư, nghị định của chính phủ và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế và các luật thuế.

1.2.2. Nội dung Pháp luật Việt Nam về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào gồm:

Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế; Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế; Xoá nợ tiền thuế, tiền phạt; Quản lý thông tin về người nộp thuế; Kiểm tra thuế, thanh tra thuế; Xử lý vi phạm pháp luật về thuế; Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thu; Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế. Tất cả các nội dung trên đều được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Thứ nhất, Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc của các thể nhân và pháp nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định, không mang tính hoàn trả trực tiếp, nhằm sử dụng cho mục đích chung của xã hội

Thứ hai, quản lý thuế là quản lý hành chính Nhà nước về thuế, là việc tổ chức, quản lý, điều hành quá trình thu nộp thuế bao gồm các hoạt động nghiệp vụ mang tính chất hành chính trong lĩnh vực thuế.

Thứ ba, pháp luật Quản lý thuế là tổng hợp các quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động quản lý thuế của Nhà nước đối với các đối tượng nộp thuế và các hoạt động khác có liên quan.

Thứ tư: đặc điểm của quản lý thuế đối với dự án thủy điện Xekaman³ là chịu sự chi phối của hai hệ thống pháp luật về thuế đó là pháp luật về thuế của Việt Nam và pháp luật về thuế của CHDCND Lào; dự án được áp dụng hiệp định tránh đánh thuế hai lần; Dự án được áp dụng chính sách khấu trừ thuế đã nộp tại nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam; Các hoạt động đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế; Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế; Xoá nợ tiền thuế, tiền phạt; Quản lý thông tin về người nộp thuế; Kiểm tra thuế, thanh tra thuế; Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế; Xử lý vi phạm pháp luật về thuế; Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế đều được thực hiện tại Cục Thuế tỉnh Quảng Nam

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ THUẾ
ĐỐI VỚI DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐẦU TƯ TẠI CỘNG HOÀ DÂN CHỦ
NHÂN DÂN LÀO

2.1 Thực trạng quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

2.1.1. Chính sách thuế và công tác quản lý thuế của Việt Nam hiện tại đang áp dụng cho dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

2.1.1.1. Về chính sách thuế

a. Thuế GTGT

Đối với hoạt động thi công xây lắp:

Các đơn vị bao gồm Ban điều hành, các đơn vị thi công, đơn vị cung ứng vật tư tại công trường thực hiện việc kê khai, nộp thuế GTGT theo phương thức khấu trừ.

Hợp đồng Tổng thầu được thanh toán theo phương thức thi công đến đâu thanh toán đến đó. Việc thanh toán dựa trên khối lượng thi công thực tế và dự toán thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt (việc phê duyệt có thể là tạm phê duyệt hoặc phê duyệt chính thức).

Sau khi có khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành, Ban điều hành (BDH) cùng với Chủ đầu tư thống nhất trị giá thanh toán trên hồ sơ thanh toán mà cụ thể là phiếu giá thanh toán. Giá trị thanh toán trong các phiếu giá dự toán tạm duyệt thường là 85% giá trị nghiệm thu.

Cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thuế GTGT đối với Dự án từ khi bắt đầu cho đến ngày 31/12/2008

Cơ sở pháp lý cho việc thực hiện xuất hóa đơn GTGT và kê khai thuế GTGT là văn bản số 11334 – BTC-TC, ngày 23 tháng 08 năm 2007 của Bộ

tài chính Việt Nam về việc kê khai nộp thuế GTGT dự án thủy điện Xekaman 3 quy định

(1). Khi khối lượng công trình hoàn thành bàn giao, chủ đầu tư (Công ty TNHH Xekaman3), đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu khối lượng; sau khi lên phiếu giá, Tổng công ty Sông Đà lập hoá đơn GTGT với thuế suất 0%. Thủ tục hồ sơ để được khấu trừ/ hoàn thuế GTGT đầu vào:

- Hợp đồng ký giữa Tổng Công ty Sông Đà và Công ty TNHH Xekaman3 theo quy định của Luật dân sự;

- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại điểm 1.2 d3 mục III phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC và điểm 1.2 d3 mục III phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 9/4/2007 của Bộ Tài chính (từ ngày 4/6/2007 - ngày Thông tư số 32/2007/TT-BTC có hiệu lực thi hành). Trường hợp nếu cơ quan có thẩm quyền cho phép thanh toán tại Việt Nam thì việc thanh toán qua ngân hàng được thực hiện giữa các ngân hàng tại Việt Nam theo quy định.

(2). Các nhà thầu phụ khi hoàn thành khối lượng xây lắp bàn giao theo tiến độ thi công được ký kết giữa tổng thầu và nhà thầu phụ, nhà thầu phụ lập hoá đơn GTGT với thuế suất 10%. Nhà thầu phụ được kê khai, khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào theo quy định hiện hành.

(3). Vật tư, máy móc, thiết bị xuất khẩu theo hình thức tạm xuất tái nhập để thực hiện thi công dự án không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Thủ tục hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm 22 mục II phần A Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính và điểm 1.2.2 mục II phần A Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 9/4/2007 của Bộ Tài chính.

(4). Đối với hàng hoá, vật tư, máy móc, thiết bị do doanh nghiệp nội địa bán hàng trực tiếp cho nhà thầu chính và các nhà thầu phụ để xây dựng, lắp đặt dự án Thủy điện Xekaman3 và thực hiện giao hàng hoá tại Lào theo

Hợp đồng ký kết thì doanh nghiệp nội địa lập hoá đơn giao cho nhà thầu ghi thuế suất thuế GTGT 0%. Thủ tục hồ sơ để doanh nghiệp bán hàng thực hiện khấu trừ/hoàn thuế GTGT đầu vào phải đáp ứng các điều kiện sau: Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu có xác nhận thực xuất của cơ quan hải quan; Hàng hoá, vật tư, thiết bị, máy móc xuất khẩu phải phù hợp với Danh mục hàng hoá xuất khẩu để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài do chủ đầu tư (Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Việt Lào) phê duyệt (ghi rõ số lượng, chủng loại và trị giá hàng hoá). Đối với số vật tư, thiết bị, máy móc xuất khẩu để thực hiện dự án đầu tư đã được Bộ Thương mại phê duyệt thì tiếp tục thực hiện theo Danh mục đã được phê duyệt; Hợp đồng mua bán ký giữa doanh nghiệp bán hàng và nhà thầu, trong đó có ghi rõ về điều kiện giao hàng, số lượng, chủng loại và trị giá hàng hoá; Hợp đồng uỷ thác (trường hợp uỷ thác xuất khẩu); Chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại điểm 1.2 d3 mục III phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC và điểm 1.2 d3 mục III phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 9/4/2007 của Bộ Tài chính (từ ngày 4/6/2007 - ngày Thông tư số 32/2007/TT-BTC có hiệu lực thi hành) và việc thanh toán qua ngân hàng được thực hiện giữa các ngân hàng tại Việt Nam theo quy định; Hoá đơn GTGT bán hàng hoá để xuất khẩu cho nhà thầu.

(5). Thuế GTGT đối với hoạt động khai thác, cung ứng hàng hoá, dịch vụ của các doanh nghiệp tại Lào thực hiện theo quy định của pháp luật nước sở tại. Các doanh nghiệp được phép lập hoá đơn để phản ánh phần doanh thu, chi phí khi phát sinh hoạt động cung ứng hàng hoá, dịch vụ tại Lào và thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập DN tại Việt Nam.

Từ ngày 01/01/2009 đến 2011

Từ ngày 01/01/2009 đến nay áp dụng Thông tư số 129/2008/BTC. Thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 ra đời có thực

hiện sửa đổi như sau: Đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT % “áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình của doanh nghiệp chế xuất; hàng bán cho cửa hàng bán hàng miễn thuế; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% nêu tại tại điểm 1.3 Mục này”. Thông tư này áp dụng từ ngày 01/01/2009, thay thế các Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 9/4/2007 và Thông tư số 30/2008/TT-BTC ngày 16/4/2008 của Bộ Tài chính.

Theo hướng dẫn tại thông tư 129/2008/TT-BTC thì hoạt động xây dựng, lắp đặt các công trình ở nước ngoài không thuộc diện áp dụng thuế suất thuế GTGT bằng 0%. Như vậy căn cứ vào tình hình thực tế và các quy định của Bộ tài chính thì sẽ phát sinh một số vấn đề sau:

Thứ nhất, việc Ban điều hành (sau đây viết tắt là BDH) xuất hóa đơn GTGT cho chủ đầu tư và các đơn vị thi công xuất hóa đơn GTGT cho BDH có phù hợp về mặt pháp lý hay không.

Thứ hai, việc BDH và các đơn vị thi công xuất hóa đơn GTGT với trị giá tính thuế là 85% giá trị nghiệm thu đã đúng với quy định của pháp luật chưa? Sau khi chủ đầu tư thanh toán tiền về đến tài khoản của Ban điều hành; Ban điều hành và các đơn vị thi công mới làm thủ tục thanh toán và xuất hóa đơn GTGT đã phù hợp với quy định pháp luật?

Thứ ba, hoàn thuế của các đơn vị cung ứng. Theo như quy định trên thì đơn vị cung ứng được hoàn thuế GTGT, như vậy khi các công ty con của đơn vị cung ứng xuất hóa đơn GTGT cho các nhà thầu thi công thì việc hoàn thuế GTGT thực hiện như thế nào?

Thứ tư, một số nghiệp vụ kinh tế của các đơn vị thi công không được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT mà phải tính vào chi phí thì việc xác định số thuế GTGT tính vào chi phí thực hiện như thế nào?

Thứ năm, đối với việc vận chuyển từ Việt Nam sang tận chân công trình thì thuộc loại hình vận chuyển nào và thuế suất thuế GTGT là bao nhiêu?

Thứ sáu: việc ra đời thông tư 129/2008/TT-BTC thì công văn số 11334 của Bộ tài chính còn có hiệu lực hay không?

b. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu: Khi thi công các công trình thủy điện tại CHDCND Lào, đa số nguyên nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị phải được nhập từ Việt Nam sang hoặc nhập từ nước thứ 3. Hiện tại theo nghị định số 149/2005/NĐ-CP, ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ thì đa số các mặt hàng này chịu mức thuế suất thuế xuất khẩu là 0%, trừ cát. Trình tự để được hưởng mức thuế xuất 0% này là:

Hàng năm Chủ đầu tư – Công ty TNHH điện Xekaman3 lập kế hoạch xuất khẩu trình Bộ công thương Việt Nam phê duyệt, lập kế hoạch nhập khẩu trình Chính phủ CHDCND Lào phê duyệt. Trong kế hoạch phải chỉ rõ chủng loại vật tư, máy móc, số lượng vật tư máy móc. Cơ quan hải quan sẽ căn cứ vào kế hoạch đã được đề kiểm soát. Kết thúc 1 năm Chủ đầu tư phải thực hiện quyết toán kế hoạch với Bộ công thương Việt Nam và Chính phủ Lào.

Theo Nghị định 78/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ thì Dự án thủy điện Xekaman3 là dự án đầu tư ra nước ngoài, còn theo luật thuế xuất khẩu nhập khẩu thì đa số hàng hóa xuất khẩu, tạm xuất khẩu sang công trường được miễn thuế xuất khẩu. Theo hợp đồng BOT ký giữa Công ty TNHH điện Xekaman3 và Chính phủ CHDCND Lào thì vật tư, thiết bị nhập khẩu, tạm nhập khẩu vào công trường được miễn thuế nhập khẩu. Như vậy hiện tại việc xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, máy móc tại công trình đang phù hợp với pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu.

Tuy nhiên, tại công trình thủy điện Xekaman3 do chính sách hạn chế xuất khẩu tài nguyên, khoáng sản chưa qua chế biến của Chính phủ. Cát xuất khẩu từ Việt Nam sang công trình được coi là tài nguyên khoáng sản chưa qua chế biến cho nên đang chịu mức thuế suất thuế xuất khẩu là 17%

qui định tại quyết định số 123/2008/QĐ-BTC, ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ tài chính. Hiện tại công trình đang thực hiện kê khai và nộp thuế xuất khẩu cát theo đúng quyết định này. Tuy nhiên giá tính thuế xuất khẩu cát là DAF không bao gồm chi phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế, việc vận chuyển cát từ Việt Nam sang chân công trình cơ quan thuế coi là vận chuyển quốc tế còn cơ quan hải quan thì không đồng ý là vận chuyển quốc tế, do vậy trị giá tính thuế vẫn chưa được xác định một cách thống nhất.

c. Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân

Công ty TNHH điện Xekaman3 là một pháp nhân của CHDCND Lào, đăng ký kinh doanh tại CHDCND Lào nên nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại CHDCND Lào theo quy định của luật thuế thu nhập của CHDCND Lào và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và CHDCND Lào

2.1.2. Về công tác quản lý thuế đối với dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

Quản lý việc kê khai thuế; Quản lý việc thu nợ thuế; Quản lý việc hoàn thuế, miễn giảm thuế; Quản lý việc quyết toán thuế; Quản lý việc thanh tra, kiểm tra. Các hoạt động này do Cục thuế tỉnh Quảng Nam thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.1.3 Ưu điểm của pháp luật quản lý thuế đối với dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

Thứ nhất, đã tạo hành lang pháp lý cho việc đổi mới phương thức quản lý thuế từ cơ chế chuyên quản, người nộp thuế thụ động sang cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp, thực hiện nộp và xác định các ưu đãi được hưởng;

Thứ hai, đã đáp ứng được yêu cầu quản lý của nhà nước trong việc quản lý thu thuế.

Thứ ba, đã đảm bảo được môi trường cạnh tranh bình đẳng bằng hình thức quy định thủ tục cho từng sắc thuế đối với tất cả người nộp thuế ,tạo điều kiện bình đẳng cho các DN

Thứ tư, đã quy định cụ thể việc khai thuế, nộp hồ sơ, tính thuế, xác định ưu đãi thuế dễ tiếp cận giúp DN thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với chi phí và thời gian phù hợp giúp DN tận dụng và khai thác các nguồn lực cho hoạt động kinh doanh.

Thứ năm, các thủ tục về thuế đã tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư và kinh doanh, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư thông qua các quy định rõ các thủ tục liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, xác định các ưu đãi về thuế.

Thứ sáu, đã quy định thống nhất thủ tục về thuế cho từng sắc thuế nên đã tạo điều kiện cho các DN trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế phù hợp quyền tự do kinh doanh của DN.

Thứ bảy, đã có những chế tài cưỡng chế, xử phạt nhằm ngăn chặn, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ tám, quyền hạn của người nộp thuế đã được xác định nhằm đảm bảo môi trường thuận lợi và tin cậy cho người nộp.

Thứ chín, thủ tục hành chính về thuế được quy định rõ ràng, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế.

Thứ mười, đã quy định cụ thể về các hành vi công chức quản lý thuế được làm, không được làm, các hành vi vi phạm đặc thù xảy ra trong công tác quản lý thuế và có hình thức xử lý nghiêm; quy định thời hạn giải quyết công việc cụ thể

2.1.4 Những bất cập của Pháp luật

Thứ nhất, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, chưa đáp ứng được mục tiêu cải cách, đơn giản hoá thủ tục hành chính thuế, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho NNT.

Thứ hai, các chính sách thuế chưa thực sự khuyến khích các nhà đầu tư, có sự không thống nhất giữa các đạo luật về thuế gây khó khăn lúng túng cho các cơ quan chức năng liên quan, cho các nhà thầu, chủ đầu tư của Dự án.

Thứ ba, các chính sách thuế hay thay đổi dẫn đến tăng chi phí đầu tư mặt khác khi thay đổi lại không có những văn bản hướng dẫn và thay thế các văn bản trước đây gây tranh cãi trong quá trình áp dụng tính, kê khai, nộp, quyết toán và hoàn thuế.

Thứ tư, thời gian mà doanh nghiệp dành cho công tác liên quan đến thuế chiếm quá nhiều thời gian sản xuất kinh doanh kéo theo đó là sự tổn kém về chi phí của các doanh nghiệp

Thứ năm, dự án hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, thực hiện thi công các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, nhưng việc thu xếp vốn còn chậm dẫn đến chậm thanh toán nên gây nợ đọng tiền thuế.

Thứ sáu, một số quy định của Luật quản lý thuế chưa thống nhất với hướng dẫn của một số văn bản pháp lý

Thứ bảy, một số nội dung chưa được quy định đầy đủ và cụ thể nên chưa có cơ sở để áp dụng hoặc áp dụng không thống nhất

Thứ tám, một số quy định về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán rườm rà, gây khó khăn cho doanh nghiệp

Thứ chín, một số quy định về thủ tục chưa mang tính khả thi, khó thực hiện trong thực tế: hoạt động của đại lý thuế chưa triển khai được do quy định trách nhiệm quyền hạn không cụ thể;

Thứ mười, về cơ bản Luật Quản lý thuế đã phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng về các thủ tục cụ thể đối với một số sắc

2.2 Thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào

2.2.1 Kết quả thực hiện

Luật Quản lý thuế đã tạo hành lang pháp lý cho việc đổi mới phương thức quản lý thuế từ cơ chế chuyên quản, người nộp thuế thụ động sang cơ

chế tự tính, tự khai, tự nộp. Với hành lang pháp luật thông thoáng, pháp luật về quản lý thuế đã góp phần khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tích cực đầu tư ra nước ngoài,

2.2.2 Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.2.2.1 Những tồn tại, hạn chế

a. Về Chủ thể quản lý: Cơ quan thuế chưa thực sự chủ động phối hợp với doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin, chia sẻ trách nhiệm nhằm quản lý tốt hơn người nộp thuế. Môi trường quản lý thuế vẫn chưa được cải thiện; Phương pháp quản lý rủi ro ở các chức năng đều chưa được thực hiện tốt do còn lúng túng trong việc triển khai quản lý thuế theo chức năng; Công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế đã được nâng cao song chưa thật mạnh mẽ, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý thuế mới; Công tác quản lý nợ chưa được chặt chẽ, phân tán do đó không thể kiểm soát được số nợ thuế chính xác, phân loại các khoản nợ thiếu kịp thời, chưa áp dụng các biện pháp xử phạt; tổ chức cưỡng chế nợ còn nhiều lúng túng; Công tác kiểm tra thuế trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin đánh giá rủi ro theo quy định của Luật Quản lý thuế còn lúng túng nên kết quả còn hạn chế

b. Về đối tượng nộp thuế: Vẫn còn nộp chậm tiền thuế, tiền phạt; chưa thực hiện tốt việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế

2.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế bất cập

Thứ nhất, pháp luật về thuế chưa có tính ổn định, chưa bảo đảm công bằng và chưa thật sự bình đẳng.

Thứ hai, các chính sách thuế hiện hành vẫn còn chứa đựng quá nhiều các chính sách xã hội làm giảm tính chung lập của thuế

Thứ ba: tính phù hợp với thông lệ quốc tế trong mỗi sắc thuế còn hạn chế và chưa thật tương thích với các nền kinh tế thị trường trong khu vực và trên thế giới

Thứ tư: chưa đảm bảo được tính đơn giản, rõ ràng trong các sắc thuế. Thực tế cho thấy thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp

Thứ năm, thủ tục kê khai và nộp thuế còn nhiều phức tạp và thiếu tính thống nhất giữa các sắc thuế và giữa các đối tượng nộp thuế.

Thứ sáu, việc tuyên truyền chính sách thuế và các dịch vụ cho đối tượng nộp thuế còn hạn chế, làm cho đối tượng nộp thuế phải chi phí nhiều thời gian cho việc tuân thủ các quy định về thuế.

Thứ bảy, trong công tác thanh tra thuế, kiểm tra thuế luật vẫn chưa xây dựng được quy trình phân loại kiểm tra một cách có hệ thống, khoa học

Thứ tám, trong luật thuế và Luật Quản lý thuế đều có quy định về xử phạt vi phạm pháp luật thuế nhưng việc áp dụng các hình thức xử lý vi phạm và phạt còn chưa nghiêm.

Thứ chín, việc hiện đại hoá công tác xử lý thông tin quản lý thu thuế còn chậm.

Thứ mười: Việc thực hiện các biện pháp xử lý đối với đối tượng vi phạm pháp luật chưa nghiêm túc

Thứ mười một, Chưa có chế tài đủ mạnh trong việc thu nợ, trong việc thanh tra, kiểm tra quyết toán thuế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Tóm lại, chương 2 đã đi sâu phân tích, đánh giá những thành tựu đạt được, nguyên nhân cũng như những hạn chế, bất cập xuất phát từ nhu cầu thực tế phát sinh đối với pháp Luật Quản lý thuế, đòi hỏi phải có biện pháp giải quyết.

CHƯƠNG 3:
GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ
NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ
QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THUỶ ĐIỆN ĐẦU TƯ TẠI
CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

3.1 Nhu cầu hoàn thiện pháp luật

Hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế để khắc phục những vướng mắc, bất cập của pháp luật về quản lý thuế, đơn giản hoá thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính thuế, đi đôi với việc tạo cơ sở pháp lý để thực hiện hiện đại hoá công tác quản lý thuế như kê khai thuế điện tử, hải quan điện tử, thay đổi và bổ sung của các luật chính sách thuế, và những vướng mắc phát sinh từ thực tiễn chưa phù hợp và chưa sát thực tế,... để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn của đất nước và yêu cầu hội nhập với thế giới.

3.2 Giải pháp, kiến nghị

3.2.1 Hoàn thiện các quy định của pháp luật

3.2.1.1. Hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính thuế gồm:

Hoàn thiện các quy định về đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế; thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế; xoá nợ tiền thuế, tiền phạt.

Cần cải cách thủ tục hành chính về thuế theo hướng quy định đơn giản, rõ ràng, minh bạch, nhằm nâng cao trách nhiệm, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

Một là, quy định rõ các loại giấy tờ của từng loại hồ sơ thuế: hồ sơ khai thuế, hồ sơ miễn giảm thuế, hồ sơ hoàn thuế... để người nộp thuế tự xác định được trách nhiệm của mình và tránh tùy tiện của công chức thuế, công chức hải quan trong khi thi hành công vụ.

Hai là, Thống nhất thời hạn nộp hồ sơ khai thuế phù hợp với từng loại thuế khai theo tháng, theo năm, theo từng lần phát sinh

Ba là, mở rộng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tháng .

Bốn là, đổi mới việc khai thuế thu nhập doanh nghiệp quý.

Năm là, thống nhất thời hạn khai quyết toán thuế năm thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập đối với người có thu nhập

Sáu là, nâng cao tinh thần trách nhiệm của người nộp thuế trong quá trình tuân thủ pháp luật thuế

Bảy là, thời hạn nộp thuế được quy định gắn với thời hạn khai thuế vừa bảo đảm phù hợp với tính chất của từng loại thuế,

3.2.1.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm phục vụ mục tiêu cải cách-hiện đại hóa và hội nhập, phù hợp thông lệ quốc tế

Thứ nhất, bổ sung Nguyên tắc quản lý rủi ro trong công tác quản lý thuế

Thứ hai, bổ sung cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá (APA trong chống chuyển giá).

Thứ ba, Bổ sung quy định về cơ chế phân loại mã số, xác định trị giá, xác định xuất xứ hàng hóa trước khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu.

Thứ tư, Mở rộng phạm vi thu thập, khai thác thông tin về NNT từ nguồn nước ngoài theo các hiệp định, điều ước đã ký

3.2.1.3. Hoàn thiện các quy định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý thuế để phù hợp với thực tế và các văn bản pháp luật có liên quan

Thứ nhất, thu hẹp phạm vi áp dụng thời gian ân hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Thứ hai, thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền phạt: bổ sung nội dung về thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền phạt để phản ánh thực tế về quản lý nợ trong ngành Hải quan,

Thứ ba, gia hạn nộp thuế: Luật Quản lý thuế hiện hành quy định khá chặt chẽ các trường hợp được gia hạn nộp thuế và giao Chính phủ hướng dẫn các trường hợp gặp khó khăn đặc biệt.

Thứ tư, bổ sung quy định nộp dần tiền thuế đối với trường hợp NNT không có khả năng nộp đủ tiền thuế một lần

Thứ năm, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt: Luật Quản lý thuế cần bổ sung quy định cho phép mở rộng phạm vi xóa nợ đối với các khoản nợ khó có khả năng thu hồi sau khi đã áp dụng đầy đủ các biện pháp cưỡng chế trong 10 năm.

Thứ sáu, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế: Thay đổi trật tự một số biện pháp cưỡng chế; Bổ sung phạm vi áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; ...

Thứ bảy, các chế tài xử phạt (tính chất khoản tiền phạt chậm nộp, mức xử phạt, hành vi vi phạm).

Thứ tám, thời hiệu xử lý vi phạm pháp luật về thuế: cần bổ sung quy định áp dụng thời hạn truy thu thuế là 10 năm trở về trước, kể từ ngày kiểm tra phát hiện.

Thứ chín, về kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế. Luật cần bổ sung quy định về nguyên tắc kiểm tra thuế theo tiêu thức đánh giá rủi ro về thuế qua phân tích, đánh giá việc chấp hành pháp luật của người nộp thuế; thực hiện kiểm tra theo chuyên đề

3.2.2. Nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật quản lý thuế

3.2.2.1. Về phía chủ thể quản lý: Nghiên cứu thành lập ra một bộ máy chuyên trách quản lý thuế đối với các hoạt động đầu tư ra nước ngoài; Áp dụng công nghệ hiện đại trong quản lý thuế, từng bước tiến hành tin học hóa quy; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các vi phạm về thuế

3.2.2.2. *Về phía nhà đầu tư*: Nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật thuế; xóa bỏ thói quen phải trốn thuế, gian lận thuế trong kinh doanh. Tự nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, hiểu biết pháp luật

3.2.3 Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, nhân dân tập chung vào các công tác tuyên truyền, công tác tập huấn; công tác Kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật về quản lý thuế

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 đã nêu lên nhu cầu đề hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế để khắc phục những vướng mắc, bất cập của pháp luật về quản lý thuế. Một số giải pháp, kiến nghị hoàn thiện luật Quản lý thuế để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn của đất nước và yêu cầu hội nhập với thế giới.

KẾT LUẬN

Việc đầu tư ra nước ngoài (ĐTRNN) của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung cũng như việc xây dựng Dự án thủy điện tại CHDCND của Tập đoàn Sông Đà nói riêng là xu hướng tất yếu khách quan trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về quản lý thuế vẫn không tránh khỏi những bất cập, đi sau thực tiễn. Do vậy, pháp luật quản lý thuế cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp, khuyến khích và tạo điều kiện cho Doanh nghiệp muốn đầu tư ra nước ngoài. Đề tài: “*Quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào*” này được hoàn thiện trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật về Quản lý thuế đối với dự án. Luận án đi sâu phân tích một số cơ sở lý luận về pháp luật quản lý thuế, thực trạng pháp luật về quản lý thuế áp dụng đối với dự án, từ đó đưa ra những ý kiến đóng góp cho sự hoàn thiện của các quy định pháp luật đồng thời nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về Luật quản lý thuế.

Do hạn chế về thời gian và khả năng tiếp cận thông tin, Luận văn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Trên cơ sở những kết quả đạt được của Luận văn, Học viên sẽ tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu về pháp luật quản lý thuế đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài nói chung cũng như mong muốn có nhiều công trình nghiên cứu khác sẽ tập trung nghiên cứu chuyên sâu hơn về lĩnh vực này. Hy vọng rằng, trong tương lai không xa, các cơ quan có thẩm quyền và các nhà làm luật sẽ tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các quy phạm pháp luật điều chỉnh về Quản lý thuế nhằm tiến tới xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn thiện, thông thoáng và tạo điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp Việt Nam tiến xa hơn trên thị trường thế giới./.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	4
2. Mục tiêu nghiên cứu	4
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài	4
3.1. Đối tượng nghiên cứu:	4
3.2. Phạm vi nghiên cứu:	5
4. Phương pháp nghiên cứu:	5
5. Tình hình nghiên cứu:	5
6. Đóng góp mới của luận văn:	6
7. Kết cấu luận văn:	6
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐẦU TƯ TẠI CHDCND LÀO	7
1.1 Khái quát chung về thuế, quản lý thuế và pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào	7
1.1.1 Khái niệm, phân loại thuế, vai trò của thuế	7
1.1.2 Khái niệm, nội dung quản lý thuế	7
1.1.3. Đặc điểm quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào	8
1.2 Khái niệm, nội dung pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào	10
1.2.1. Khái niệm, nguồn pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào	10
1.2.2. Nội dung Pháp luật Việt Nam về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào gồm:	10
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	11
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐẦU TƯ TẠI CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO.....	12

2.1 Thực trạng quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào	12
2.1.1.Chính sách thuế và công tác quản lý thuế của Việt Nam hiện tại đang áp dụng cho dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào	12
2.1.2.Về công tác quản lý thuế đối với dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào	17
2.1.3 Ưu điểm của pháp luật quản lý thuế đối với dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào.....	17
2.1.4 Những bất cập của Pháp luật	18
2.2 Thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý thuế đối với các dự án thủy điện đầu tư tại CHDCND Lào	19
2.2.1 Kết quả thực hiện.....	19
2.2.2 Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân	20
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	21
CHƯƠNG 3:GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐẦU TƯ TẠI CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO	22
3.1 Nhu cầu hoàn thiện pháp luật	22
3.2 Giải pháp, kiến nghị.....	22
3.2.1 Hoàn thiện các quy định của pháp luật.....	22
3.2.1.1. Hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính thuế gồm:	22
3.2.1.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm phục vụ mục tiêu cải cách-hiện đại hóa và hội nhập, phù hợp thông lệ quốc tế	23
3.2.2. Nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật quản lý thuế.....	24
3.2.3 Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện	25
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	25
KẾT LUẬN.....	26

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Trần Thị Thu Hà

DANH MỤC VIẾT TẮT

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	: CHDCND LÀO
Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam	: CHXHCN Việt Nam
Ngân sách Nhà nước	: NSNN
Người nộp thuế	: NNT
Xuất nhập khẩu	: XNK
Thuế Giá trị gia tăng	: GTGT
Dự án thủy điện đầu tư tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	: Dự án
Ủy ban Kinh tế và xã hội của Liên Hiệp quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế	: IMF
Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá	: APA
Đầu tư ra nước ngoài	: ĐTRNN
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	: TTNDN
Thuế thu nhập cá nhân	: TTNCN
Doanh nghiệp	: DN

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, góp ý và giúp đỡ nhiệt tình của rất nhiều tập thể, cá nhân.

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn đến quý thầy cô Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội, đặc biệt là những thầy cô đã tận tình dạy bảo cho tôi suốt thời gian học tập tại trường.

*Tôi xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến **TS. Hoàng Thị Quỳnh Chi**, Cô đã dành rất nhiều thời gian và tâm huyết hướng dẫn nghiên cứu và giúp tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp.*

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè đã luôn ở bên cạnh động viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi có thể yên tâm học tập làm việc và hoàn thành luận văn.

Hà Nội - 2012